

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BUÔN ĐƠN
TỈNH ĐẮKLẮK**

Bản án số: 16/2024/HNGĐ-ST.

Ngày 15 tháng 11 năm 2024.

V/v: “*Không công nhận quan hệ vợ chồng*”.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BUÔN ĐƠN, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vinh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Phụng, bà Nông Thị Hảo.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Đinh Ngọc Lương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Buôn Đơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Buôn Đơn tham gia phiên tòa: Ông Y Rin Niê KDăm – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Buôn Đơn mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 144/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2024 về việc “*Không công nhận quan hệ vợ chồng và nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2024/QĐXX-ST ngày 21 tháng 10 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Trần Văn Ch, sinh năm 1982

Trú tại: Thôn 16, xã T, huyện B, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

- Bị đơn: Chị Phạm Thị B, sinh năm 1983

Trú tại: Thôn 16, xã T, huyện B, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 20/9/2024, bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn anh Trần Văn Ch trình bày:

Anh và chị Phạm Thị B tự nguyện về chung sống với nhau năm 2006, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Trong thời gian chung sống thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc và sinh được 02 con chung. Thời gian gần đây thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, cuộc sống không mang lại hạnh phúc cho nhau.

Nay nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận giữa anh và chị Phạm Thị B là vợ chồng theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh và chị Phạm Thị B có 02 con chung là cháu Trần Quang Th, sinh ngày 21/10/2007 và cháu Trần Thị Thanh T, sinh ngày 25/4/2010.

Về việc nuôi con, đề hỏi ý kiến của các con nếu các cháu muốn ở với ai thì giao cho người đó nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn chị Phạm Thị B trình bày:

Chị và anh Trần Văn Ch tự nguyện về chung sống với nhau năm 2006, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Trong thời gian chung sống, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc và sinh được 02 con chung. Nhưng thời gian gần đây thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, cuộc sống không mang lại hạnh phúc cho nhau.

Nay nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận giữa chị và anh Trần Văn Ch là vợ chồng theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị và anh Ch có 02 con chung là cháu Trần Quang Th, sinh ngày 21/10/2007 và cháu Trần Thị Thanh T, sinh ngày 25/4/2010.

Việc nuôi con, đề hỏi ý kiến của các con nếu các cháu muốn ở với ai thì giao cho người đó nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn đã hòa giải về việc nuôi con và các đương sự đã thỏa thuận với nhau về nuôi con chung, do đó căn cứ Điều 203 của Bộ luật tố tụng Dân sự, đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn anh Trần Văn Ch giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, anh cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết không công nhận vợ chồng với chị Phạm Thị B. Về con chung, anh và chị B đã thỏa thuận giao cháu Trần Quang Th, sinh ngày 21/10/2007 và cháu Trần Thị Thanh T, sinh ngày 25/4/2010 cho anh nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, nợ chung tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Buôn Đôn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, của các đương sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Sau khi thụ lý vụ án hôn nhân gia đình. Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng và đầy đủ các thủ tục tố tụng, giao thông báo thụ lý vụ án, giao thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thu thập chứng cứ làm căn cứ giải quyết vụ án. Ra quyết định xét xử, tổng đạt hợp lệ quyết định xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định về trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự. Đối với các đương sự, nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng các

quy định pháp luật.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 9, 14, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân & Gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trần Văn Ch. Xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Trần Văn Chính và chị Phạm Thị B.

Về con chung: Giao cháu Trần Quang Th, sinh ngày 21/10/2007 và cháu Trần Thị Thanh T, sinh ngày 25/4/2010 cho anh Trần Văn Ch trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu nên không xem xét; anh Trần Văn Ch phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả hỏi công khai trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ kiện, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Anh Trần Văn Ch yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng với chị Phạm Thị B thì đây là “Tranh chấp về nuôi con của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn” nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn được quy định tại khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Nhận thấy anh Trần Văn Ch và chị Phạm Thị B chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống thì xảy ra nhiều mâu thuẫn, cãi nhau, nguyên nhân do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm, cuộc sống vợ chồng gặp rất nhiều áp lực. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 9 và Điều 14 Luật hôn nhân & Gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn Ch, xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Trần Văn Ch và chị Phạm Thị B là phù hợp.

[3] Về con chung: Xét thấy trong quá trình chung sống anh Trần Văn Ch và chị Phạm Thị B có 02 con chung là cháu Trần Quang Th, sinh ngày 21/10/2007 và cháu Trần Thị Thanh T, sinh ngày 25/4/2010, hiện đang sống với bố mẹ. Anh Ch và chị B đã thỏa thuận về việc nuôi con và các con đều có nguyện vọng sống với anh Ch. Vì vậy, nên giao cháu Trần Quang Th và Trần Thị Thanh T cho anh Ch trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân & Gia đình, nhận thấy sự thỏa thuận của các đương sự là phù hợp nên cần chấp nhận.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Xét thấy anh Trần Văn Ch thỏa thuận không yêu cầu nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 203 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Các điều 9, 14, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân & Gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trần Văn Ch.

- *Về quan hệ hôn nhân*: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Trần Văn Ch và chị Phạm Thị B.

- *Về nuôi con chung*: Giao cháu Trần Quang Th, sinh ngày 21/10/2007 và cháu Trần Thị Thanh T, sinh ngày 25/4/2010 cho anh Trần Văn Ch trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi).

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- *Về cấp dưỡng nuôi con*: Anh Ch không yêu cầu nên không xem xét.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Anh Trần Văn Ch phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện B theo biên lai thu số 0004914 ngày 30/9/2024.

- Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn luật định 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Buôn Đôn;
- THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(Đã ký)

Nguyễn Vinh Tuấn

